

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Nâng cấp Bệnh viện Phổi Thanh Hóa từ 220 giường bệnh lên 500 giường bệnh tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án xác định quy mô giường bệnh, vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc của Bệnh viện Phổi Thanh Hóa theo cơ chế tự chủ, giai đoạn 2018 - 2020;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Nâng cấp Bệnh viện Phổi Thanh Hóa từ 220 giường bệnh lên 500 giường bệnh tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tại báo cáo kết quả thẩm định ngày 13/02/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 338/CV-BVP ngày 28/02/2020 của Bệnh viện Phổi Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 608/Tr-STNMT ngày 23/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng cấp Bệnh viện Phổi Thanh Hóa từ 220 giường bệnh lên 500 giường bệnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa, Giám đốc Bệnh viện Phổi Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nâng cấp Bệnh viện Phổi Thanh Hóa từ 220 giường bệnh lên 500
giường bệnh tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020
của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

Dự án Nâng cấp Bệnh viện Phổi Thanh Hóa từ 220 giường bệnh lên 500 giường bệnh tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Phổi Thanh Hóa
- Đại diện chủ dự án: Ông Đào Thanh Bình
- Chức vụ: Giám đốc
- Phương tiện liên lạc: 02373.996.731
- Địa chỉ trụ sở: Xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Quy mô: 500 giường bệnh.

+ Bệnh viện có tổng diện tích 37.800 m². Bao gồm các công trình như: Nhà Khám - Hồi sức cấp cứu – Điều trị; Nhà hành chính; Nhà khoa dược – vật tư; Nhà khoa ung bướu + Chẩn đoán hình ảnh; Nhà khoa Nội; Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn + Khoa dinh dưỡng; Nhà Khoa Ung bướu.... Các công trình phụ trợ như: Khu xử lý nước thải, Kho chứa chất thải, Nhà bảo vệ, Nhà ăn, Nhà để xe...

2. Các tác động môi trường chính của dự án

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt*: Phát sinh từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh cá nhân, từ hoạt động ăn uống, lưu lượng là 126,0 m³/ngày.đêm (trong đó, nước thải từ nhà vệ sinh: 45 m³/ngày.đêm; nước tắm rửa, giặt giũ: khoảng 63,0 m³/ngày.đêm; nước thải từ nhà ăn: 18,0 m³/ngày.đêm). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- *Nước thải y tế*: phát sinh từ khâu khám chữa bệnh tại các khoa phòng, lượng nước là 54,0 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: NH₄⁺; NO₃⁻; BOD; COD; TSS; Coliform;...

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong hoạt động của các phương tiện ra vào bệnh viện; hoạt động của bệnh viện; hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thành phần khí thải chủ yếu: Bụi, NO₂; SO₂; CO₂,...

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- *Chất thải rắn sinh hoạt* phát sinh từ quá trình vệ sinh buồng bệnh và khoa dinh dưỡng... khoảng 553,5kg/ngày.đêm; thành phần gồm thức ăn thừa, vỏ rau quả, túi nilon, giấy...

- *Chất thải y tế thông thường phát sinh khoảng 61,5kg/ngày.đêm, bao gồm: Chai lọ truyền dịch bằng nhựa, thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa...*

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- *Chất thải y tế nguy hại được phép tiêu hủy: 174,0 kg/ngày.đêm gồm: Vật sắc nhọn, chất thải chứa chất lây nhiễm, chứa các vật phẩm y tế mang các vi khuẩn, vi trùng gây bệnh.*

- *Chất thải nguy hại không được phép tiêu hủy: trung bình khoảng 1,0 kg/ngày.đêm gồm: Bóng đèn neon bị hỏng, pin, ắc quy, lọ đựng hóa chất gây độc tế bào, các lọ hóa chất nguy hại hết hạn....*

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

Nước mưa được thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước có tổng chiều dài $L = 1.028\text{m}$, kích thước: rộng $0,5\text{m}$ x sâu $0,5\text{m}$, nắp đáy bằng tấm đan bê tông. Trên hệ thống mương rãnh thoát nước mưa có bố trí hố ga lắng cặn, số lượng 34 hố ga, kích thước: $1,0\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,0\text{m}$.

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải bệnh viện:*

- *Nước thải phát sinh do quá trình rửa chân tay:* Được thu gom vào đường ống dẫn nước qua các hố ga sau đó dẫn về khu xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để xử lý.

- *Nước thải từ nhà vệ sinh:* Được thu gom vào 18 bể tự hoại hiện trạng tại các khu nhà với tổng thể tích 450m^3 , mỗi bể có thể tích 25m^3 (KT: $5 \times 2 \times 2,5\text{m}$), nước thải sau bể tự hoại được dẫn về hệ thống XLNT tập trung.

- *Nước thải từ nhà ăn:* thu gom qua bể tách dầu mỡ hiện trạng tại Khoa dinh dưỡng có thể tích 5m^3 (KT: $2 \times 2 \times 1,25\text{m}$) và bể tách dầu mỡ tại Nhà ăn CBCNV với thể tích 3m^3 ($2 \times 1,5 \times 1\text{m}$) để xử lý sơ bộ trước khi dẫn vào hệ thống XLNT tập trung.

- *Nước thải y tế:* Nước thải y tế được thu gom qua hệ thống đường ống và dẫn vào hệ thống XLNT tập trung để xử lý.

** Hệ thống XLNTTT:*

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện sử dụng công nghệ AAO có công suất xử lý $275 \text{ m}^3/\text{ngày,đêm}$.

Quy trình xử lý: Nước thải → Bể điều hòa → Bể Anaerobic → Bể Anoxic → Bể Oxic → Bể lắng → Bể khử trùng.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra sông Nhà Lê.

- Lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra sau bể khử trùng để giám sát tổng lượng nước thải.

3.2. Về bụi, khí thải:

- Thường xuyên làm vệ sinh sạch sẽ, quét dọn sạch sẽ khu vực bệnh viện.

Riêng khu vực nhà ăn, nhà khám chữa bệnh, hội trường được lau bằng nước khử trùng để đảm bảo môi trường khám chữa bệnh.

- Chăm sóc, tu bổ thường xuyên diện tích cây xanh trong khu vực bệnh viện.

- Khu vực nhà bếp có hệ thống chụp hút khí thải ra môi trường, kích thước: dài 1,5m x rộng 0,8m.

- Lắp đặt quạt hút mùi tại các phòng vệ sinh.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn thông thường*

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của bệnh viện được thu gom, phân loại theo Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế
- Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế, cụ thể:

- Sử dụng 60 thùng đựng rác bằng nhựa loại 15 lít tại các khoa phòng và 32 thùng composit loại 120 lít tại các nơi công cộng, khuôn viên bệnh viện để chứa rác thải sinh hoạt và rác thải y tế thông thường.

- Chất thải rắn sau khi thu gom sẽ được vận chuyển về kho chứa chất thải của bệnh viện có diện tích 61,5m². Ngăn chứa chất thải sinh hoạt trang bị 1 thùng loại 660 lít và 2 thùng loại 240 lít, ngăn chứa chất thải y tế có thể tái chế trang bị 01 thùng chứa loại 660 lít và 01 thùng chứa 240 lít. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

** Biện pháp giảm thiểu chất thải nguy hại:*

- Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn được thu gom vào 20 thùng đựng rác bằng nhựa màu vàng loại 15 lít và 8 thùng composit loại 120 lít. Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn được thu gom riêng vào 15 hộp nhựa màu vàng loại 5 lít/hộp và 25 hộp inox màu vàng loại 2 lít/hộp. Trước khi vận chuyển chất thải lây nhiễm tới khu vực lưu trữ, rác thải và các thùng chứa này phải được khử trùng bằng hóa chất diệt khuẩn.

- Chất thải rắn y tế lây nhiễm sau khi thu gom sẽ được vận chuyển về kho chứa chất thải của bệnh viện có diện tích 61,5m². Ngăn chứa chất thải y tế lây nhiễm, CTNH trang bị 3 thùng chứa loại 240 lít/thùng và tủ bảo ôn dung tích 400 lít để chứa mẫu mô bệnh sinh tiết và màng phổi sau bóc. Sau đó hợp đồng với Bệnh viện Nhi Thanh Hóa thu gom và xử lý theo quy định của pháp luật với tần suất 03 lần/tuần.

- Chất thải y tế sắc nhọn được bệnh viện thu gom vào 4 bể cô lập chất thải, mỗi bể có dung tích 1m³ và sử dụng hóa chất để xử lý.

- Chất thải nguy hại khác được Bệnh viện hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường Nghi Sơn thu gom và xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

a. Giám sát môi trường không khí

- *Chỉ tiêu giám sát:* Vi khí hậu, độ ồn, CO, SO₂, NO₂, Bụi, Cl₂, NH₃, H₂S

- *Vị trí giám sát:*

+ KK1: Mẫu lấy tại khu vực khám bệnh (Tọa độ X=2185079; Y=578289);

+ KK2: Mẫu lấy tại khu vực xử lý chất thải (Tọa độ X=2185085; Y=578261);

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 05: 2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

b. Giám sát môi trường nước

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng, NH₄⁺, NO₃⁻, Dầu mỡ, S²⁻, Coliform, Salmonella, Shigella.

- *Vị trí giám sát:*

+ NT: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý tập trung trước khi thải ra ngoài môi trường (Tọa độ: X=2185008; Y=578211)

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 28:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B)

c. Giám sát tổng lượng thải

- Các vấn đề cần giám sát:

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ rác thải sinh hoạt;

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải nguy hại;

+ Lập sổ theo dõi, thống kê khối lượng từng loại chất thải nguy hại;

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- *Vị trí giám sát:*

+ Tại khu vực lưu trữ rác tạm thời của bệnh viện

+ Tại các khoa, phòng của bệnh viện./.